

**CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG
NUTRICARE**

**HỒ SƠ CÔNG BỐ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM
SỐ CBSP: T29/NUTRICARE/2026**

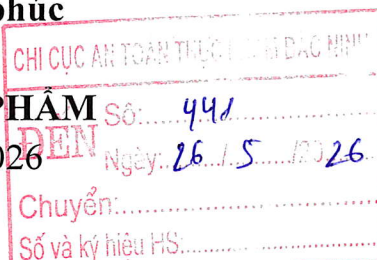
**THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH
DƯỠNG LEANPRO THYRO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: T29/NUTRICARE/2026

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**

Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Mã số chi nhánh: 0104937284-002

Điện thoại: 02466833368.

Email: contact@nutricare.com.vn

Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: Đối tượng không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP theo quy định.

Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000. Số: HA 172/9.26.CI. Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

Giấy chứng nhận Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) Số: GM 040/9.26.03; Ngày cấp: 05/03/2020. Nơi cấp: Trung tâm chứng nhận phù hợp (Quacert) - Ủy ban tiêu chuẩn đo lường chất lượng quốc gia.

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanpro Thyro.

2. Thành phần:

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Đạm sữa, Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crôm clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Bột hạnh nhân, DHA, Hỗn hợp bột quả Berry (quả Dâu Tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất và hạn sử dụng được in trên bao bì sản phẩm.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- **Quy cách bao gói:** Khối lượng tịnh 400 g, 900 g. (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).
- **Chất liệu bao bì:** Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

III. Mẫu nhãn sản phẩm

(Đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-1:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



NHÃN GỐC



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Bơ sữa, Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các khoáng chất (Tricaxi phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crom clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Bột hạnh nhân, DHA, Hòn hợp bột quả Berry (quả Dầu Tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

Soluble fiber (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Milk protein, Vegetable fat (Palm oil, Rapeseed oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Minerals (Tricalcium phosphate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Iron pyrophosphate, Potassium iodide, Zinc sulfate, Sodium selenite, Manganese sulfate, Chromium chloride, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phylloquinone), Almond powder, DHA, Extract berries powder (Strawberry, Blueberry, Cranberry, Raspberry), Synthetic flavor (blueberry flavor, vanilla milk flavor), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Natural flavor from stevia leaves.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 ly/ngày/Children aged 10 to 13 years: 2 servings per day.
- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 – 3 ly/ngày/Adults and children above 13 years: 2 – 3 servings per day.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vụn chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dùng sản phẩm khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VP&O: Số 8, Khu A T12 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 &

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC T-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T29/NUTRICARE/2026



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.60.11
(miễn phí cước gọi đến)
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH AVERAGE NUTRITIONAL VALUES¹

Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Chứa trong 100 g bột Per 100g Powder	Chứa trong 1 ly pha chuẩn Per serving (120 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	246	295
Chất đạm/Protein	g	15,0	18,0
Chất béo/Fat	g	7,40	2,96
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	2595	1038
Carbohydrat/Carbohydrate	g	49,0	19,6
Đường tổng số/Total sugars	g	6,00	2,40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	16,6	6,64
Polysaccharide	g	5,80	2,32
Vitamin A	IU	1663	665
Vitamin D3	IU	397	159
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin B1	µg	36,8	14,7
Vitamin C	mg	100	40,0
Vitamin B12	µg	918	367
Vitamin B9	µg	1113	445
Hiđrôgen	µg	15190	6076
Acid panthothemic/Panthenic acid	µg	2996	1198
Vitamin B6	µg	1520	608
Acid folic/Folic acid	µg	246	98,4
Vitamin B12	µg	1,70	0,68
Cholesterol/Cholesterol	mg	220	88,0
Natri/Sodium	mg	550	220
Kali/Potassium	mg	840	336
Canxi/Calcium	mg	560	224
Phốt pho/Phosphorus	mg	429	172
Magiê/Magnesium	mg	8,60	3,48
Sắt/Iron	mg	5,00	2,00
Kẽm/Zinc	µg	477	191
Mangan/Manganese	µg	180	72,0
Đồng/Copper	µg	137	54,9
Selen/Selenium	µg	11,6	4,64
Crom/Chromium	µg	10,0	4,00

¹ Giá trị dinh dưỡng các chất dinh dưỡng không được hàm 80% giá trị ghi trên nhãn.



Lean pro

THYRO

DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SAU PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP



HÀM LƯỢNG CANXI CAO

Khối lượng tinh
400 g

Low
LACTOSE

THỰC PHẨM BỔ SUNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANPRO THYRO

Người sau phẫu thuật tuyến giáp cần một chế độ dinh dưỡng khoa học, đồng và trao đổi chất trong giúp cho hoạt động khỏe mạnh của tuyến giáp. Leanpro Thyro – dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe cho người sau phẫu thuật tuyến giáp, đồng thời bổ sung isomaltulose có GI thấp hỗ trợ kiểm soát đường huyết.



* Chứa ít Lactose (hàm lượng Lactose < 1 g/100 g sản phẩm). Không gây khó chịu, tiêu chảy ở người bất dung nạp Lactose.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:

Cho từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước: đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hồn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.
Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utrnalk, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

NHÃN GỐC



THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Dạm sữa, Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các Khoáng chất (Tricaxi phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kem sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crom clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phyloquinon), Bột hạnh nhân, DHA, Hỗn hợp bột quả Berry (quả Dâu tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

Soluble fiber (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Milk protein, Vegetable fat (Palm oil, Rapeseed oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Minerals (Tricaxium phosphate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Iron pyrophosphate, Potassium iodide, Zinc sulfate, Sodium selenite, Manganese sulfate, Chromium chloride, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phyloquinone), Almond powder, DHA, Extract berries powder (Strawberry, Blueberry, Cranberry, Raspberry), Synthetic flavor (blueberry flavor, vanilla milk flavor), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Natural flavor from stevia leaves.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 ly/ngày, Children aged 10 to 13 years: 2 servings per day;
- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 - 3 ly/ngày, Adults and children above 13 years: 2 - 3 servings per day;

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần. Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người dị ứng với Sữa, Hạnh nhân, Cà, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare
Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 &
Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CX 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.
NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: 129/NUTRICARE/2026



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG

1800.60.11

Miền phí cước gọi điện
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH AVERAGE NUTRITIONAL VALUES

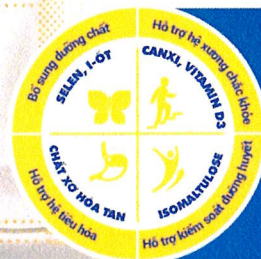
Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị	Trung bình 145 g/100 g (145 g/100 g)	Trung bình 145 g/100 g (145 g/100 g)
Năng lượng/Energy	kcal	348	130
Chất đạm/Protein	g	15.0	6.00
Chất béo/Fat	g	7.40	2.96
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	2595	1038
Carbohydrat/Carbohydrate	g	49.0	19.6
Dưỡng tăng hỗ trợ/Feed support	g	6.00	2.40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	15.6	6.64
Phốt pho Phosphorus	g	5.80	2.32
Vitamin			
Vitamin A	IU	1663	665
Vitamin B2	mg	397	159
Vitamin E	IU	13.8	5.52
Vitamin B1	mg	36.8	14.7
Vitamin C	mg	100	40.0
Vitamin B1	mg	918	367
Vitamin B2	mg	1113	445
Niacin	mg	15190	6076
Acid pantothenic/Pantothenic acid	mg	2996	1198
Vitamin B6	mg	1520	608
Axit folic/Folic acid	mg	246	98.4
Vitamin B12	mg	1.78	0.68
Khoáng chất/Minerals			
Natri Sodium	mg	220	88.0
Kali Potassium	mg	550	220
Canxi Calcium	mg	560	224
Phốt pho Phosphorus	mg	560	224
Magiê Magnesium	mg	42.9	17.2
Sắt Iron	mg	8.69	3.43
Kẽm Zinc	mg	5.80	2.32
Mangan Manganese	mg	477	191
Copper	mg	180	72.0
Vit E Vitamin	mg	137	54.9
Selen Selenium	mg	17.6	4.64
Crom Chromium	mg	10.0	4.00

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không vượt hơn 50% giá trị ghi trên nhãn.



Lean pro THYRO

DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SAU PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP



HAM LƯỢNG CANXI CAO

Khối lượng tinh
900 g

Low
LACTOSE

THỰC PHẨM BỔ SUNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANPRO THYRO

Người sau phẫu thuật tuyến giáp cần một chế độ dinh dưỡng khoa học, đồng vai trò quan trọng giúp cho hoạt động khỏe mạnh của tuyến giáp. Leanpro Thyro - dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe cho người sau phẫu thuật tuyến giáp, công thức bổ sung Isomaltulose có GI thấp hỗ trợ kiểm soát đường huyết.



- Chứa ít Lactose (hàm lượng Lactose < 1 g/100 g sản phẩm), không gây khó chịu, tiêu chảy ở người bất dung nạp Lactose.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:



Cho từ 1-4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the uterus, then add 4 scoops (equivalent 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

Nhấn nét phục vụ check nhãn

THÀNH PHẦN/INGREDIENTS:

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Đạm sữa, Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crom clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phyloquinon), Bột hạnh nhân, DHA, Hỗn hợp bột quả Berry (quả Dầu Tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

Soluble fiber (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Milk protein, Vegetable fat (Palm oil, Rapeseed oil, Sunflower oil, Corn oil, Soybean oil), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Minerals (Tricalcium phosphate, Potassium chloride, Sodium chloride, Calcium carbonate, Magnesium phosphate, Iron pyrophosphate, Potassium iodide, Zinc sulfate, Sodium selenite, Manganese sulfate, Chromium chloride, Copper sulfate) and Vitamins (Sodium-L-ascorbate, DL-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamide, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Folic acid, Calcium-D-pantothenate, Cyanocobalamin, Pyridoxine hydrochloride, Thiamine mononitrate, Riboflavin, Phyloquinone), Almond powder, DHA, Extract berries powder (Strawberry, Blueberry, Cranberry, Raspberry), Synthetic flavor (blueberry flavor, vanilla milk flavor), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Natural flavor from stevia leaves.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ/RECOMMENDED INTAKE:

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 ly/ngày/Children aged 10 to 13 years: 2 servings per day.
- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 – 3 ly/ngày/Adults and children above 13 years: 2 - 3 servings per day.

BẢO QUẢN/STORAGE:

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần./Close the product tightly after each use. Store in a cool and dry place, and avoid direct sunlight. Use within 3 weeks after first opened.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người dị ứng với Sữa, Hạnh nhân, Cỏ, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tự công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 &

Hệ thống thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T29/NUTRICARE/2026



CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.60.11
(Miễn phí cuộc gọi đến)
www.nutricare.com.vn

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES¹⁾

Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn (210 ml) Per serving (210 ml)
Năng lượng/Energy	kcal	348	139
Chất đạm/Protein	g	15,0	6,00
Chất béo/Fat	g	7,40	2,96
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	2595	1038
Carbohydrate/Carbohydrate	g	49,0	19,6
Đường tổng số/Total sugars	g	6,00	2,40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	16,6	6,64
Polyols	g	5,80	2,32
Vitamins/Vitamins			
Vitamin A	IU	1663	665
Vitamin B3	IU	397	159
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	36,8	14,7
Vitamin C	mg	100	40,0
Vitamin B1	µg	918	367
Vitamin B2	µg	1113	445
Niacin	µg	15190	6076
Acid pantothenic/Pantothenic acid	µg	2996	1198
Vitamin B6	µg	1520	608
Acid folic/Folic acid	µg	246	98,4
Vitamin B12	µg	1,70	0,68
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	220	88,0
Kali/Potassium	mg	550	220
Canxi/Calcium	mg	840	336
Phốt pho/Phosphorus	mg	560	224
Magiê/Magnesium	mg	42,9	17,2
Sắt/Iron	mg	8,69	3,48
Kẽm/Zinc	mg	5,80	2,32
Mangan/Manganese	µg	477	191
Đồng/Copper	µg	180	72,0
I-ốt/Iodine	µg	137	54,9
Selen/Selenium	µg	11,6	4,64
Crom/Chromium	µg	10,0	4,00

¹⁾ Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.



NUTRICARE

Lean
pro

THYRO

DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SAU PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP



THỰC PHẨM BỔ SUNG

Khối lượng tinh
900 g

HÀM LƯỢNG
CANXI CAO

LOW
LACTOSE

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANPRO THYRO

Người sau phẫu thuật tuyến giáp cần một chế độ dinh dưỡng khoa học, đồng vai trò quan trọng giúp cho hoạt động khỏe mạnh của tuyến giáp.
Leanpro Thyro - dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe cho người sau phẫu thuật tuyến giáp, công thức bổ sung Isomaltulose có GI thấp, hỗ trợ kiểm soát đường huyết.



- Chứa ít Lactose (hàm lượng Lactose < 1 g/100 g sản phẩm), không gây khó chịu, tiêu chảy ở người bất dung nạp Lactose.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG/INSTRUCTION FOR USE:



Cho từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.



Pour 180 ml warm water (approximately 50 °C) into the utensils, then add 4 scoops (approximately 40 g of powder). Stir well until the powder is completely dissolved. Finish using product reconstituted feeding 3 hours after preparation.

BẢN TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM
Số: T29/NUTRICARE/2026

Tên tổ chức, cá nhân: **CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE**
Địa chỉ: Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
Mã số chi nhánh: 0104937284-002
Điện thoại: 024.6683.3368
Email: contact@nutricare.com.vn

1.Tên sản phẩm: Thực phẩm bổ sung Sản phẩm dinh dưỡng Leanpro Thyro

2.Thành phần:

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Đạm sữa, Chất béo thực vật (Dầu cọ, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các Khoáng chất (Tricanxi phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi carbonat, Magiê phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crôm clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Axit folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Bột hạnh nhân, DHA, Hỗn hợp bột quả Berry (quả Dâu Tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

3. Chỉ tiêu cảm quan:

STT	Chỉ tiêu	Yêu cầu
1	Trạng thái	Bột toi, mịn, không vón cục
2	Màu sắc	Màu trắng đến ngà vàng
3	Mùi vị	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không mùi cháy khét, mùi mốc hay mùi lạ. Vị ngọt dễ chịu, không có vị lạ (đắng khét).

4. Chỉ tiêu dinh dưỡng:

Chỉ tiêu dinh dưỡng	Đơn vị	Tối thiểu trong 100 g bột
Năng lượng	kcal	278,400

BẢN GỐC

Chất đạm	g	12,000
Chất béo	g	5,920
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9)	mg	2076,000
Carbohydrat	g	39,200
Đường tổng số	g	4,800
Chất xơ hòa tan (Polydextrose)	g	13,280
Polyols	g	4,640
Vitamin		
Vitamin A	IU	1330,400
Vitamin D3	IU	317,600
Vitamin E	IU	11,040
Vitamin K1	µg	29,440
Vitamin C	mg	80,000
Vitamin B1	µg	734,400
Vitamin B2	µg	890,400
Niacin	µg	12152,000
Axit pantothenic	µg	2396,800
Vitamin B6	µg	1216,000
Axit folic	µg	196,800
Vitamin B12	µg	1,360
Khoáng chất		
Natri	mg	176,000
Kali	mg	440,000
Canxi	mg	672,000
Phốt pho	mg	448,000
Magiê	mg	34,320
Sắt	mg	6,952
Kẽm	mg	4,640
Mangan	µg	381,600
Đồng	µg	144,000
I-ốt	µg	109,600
Selen	µg	9,280
Crôm	µg	8,000

937284-
HI NHẬN
G TY CỔ P
NH DƯỠ
UTRICAL
VTHÀNH-T

BẢN GỐC

5. Chỉ tiêu an toàn:

5.1. Hàm lượng độc tố vi nấm: Phù hợp QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Aflatoxin M1	µg/kg	0,5

5.2. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa
1	Arsen (As)	mg/kg	0,5
2	Cadmi (Cd)	mg/kg	1
3	Chì (Pb)	mg/l pha chuẩn	0,02
		Tương đương mg/kg	0,105
4	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,05
5	Thiếc (Sn) (Sản phẩm đựng trong bao bì tráng thiếc)	mg/kg	250

5.3. Chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Mức tối đa	Phân loại chỉ tiêu
1	Enterobacteriaceae	CFU/g	10	A
2	Staphylococci dương tính với coagulase	CFU/g	10	A
3	Nội độc tố của Staphylococcus (Staphylococcal enterotoxin)	/25 g	KPH	B
4	L. monocytogens	CFU/g	100	A
5	Salmonella	/25 g	KPH	A

Lưu ý:

- Chỉ tiêu loại A: là chỉ tiêu bắt buộc phải kiểm nghiệm khi tiến hành đánh giá hợp quy.
- Chỉ tiêu loại B: là chỉ tiêu không bắt buộc phải kiểm nghiệm khi tiến hành đánh giá hợp quy nếu nhà sản xuất thực hiện kiểm soát mối nguy trong quá trình sản xuất (theo HACCP hoặc GMP).

BẢN GỐC

6. Hướng dẫn sử dụng

Cho từ từ 4 muỗng gạt (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết. Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

Lưu ý:

- Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa.
- Không dành cho người dị ứng với Sữa, Hạnh nhân, Cá, Đậu nành.
- Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

7. Lượng dùng khuyến nghị

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 ly/ngày.

- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 - 3 ly/ngày.

8. Hướng dẫn bảo quản

Đậy kín sau mỗi lần sử dụng. Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết trong vòng 3 tuần.

9. Hạn sử dụng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. NSX và HSD được in trên bao bì.

10. Chất liệu bao bì và quy cách đóng gói

Quy cách bao gói: Khối lượng tịnh: 400 g, 900 g (Đóng gói phù hợp quy định về đo lường đối với lượng của hàng hóa đóng gói sẵn).

Chất liệu bao bì: Bao bì tráng thiếc (dạng gói hoặc dạng lon) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y tế.

11. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare.

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm **ISO 22000** & Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (**GMP**) phù hợp CXC 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường **ISO 14001**.

Bắc Ninh, ngày 18 tháng 05 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



Digitally signed by: ĐOÀN THỊ THO
Date: 19/07/2026, 14:36:25

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý

CHI NHÁNH CÔNG TY CỔ PHẦN
DINH DƯỠNG NUTRICARECỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 218 /2026/CV-NU

V/v: Công văn bổ sung quy cách
sau công bố

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 07 năm 2026

Số:	612
ĐẾN	Ngày: 16 / 7 / 2026
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

Kính gửi: Chi cục An toàn Vệ sinh Thực phẩm tỉnh Bắc Ninh - Sở Y tế Bắc Ninh

Chi nhánh Công ty Cổ phần dinh dưỡng Nutricare (sau đây gọi tắt là “Công ty”) xin trân trọng cảm ơn sự hỗ trợ của Quý Chi cục trong suốt quá trình thực hiện công bố sản phẩm tại địa phương trong thời gian qua.

Công ty chúng tôi đã thực hiện Tự công bố sản phẩm như sau:

Tên sản phẩm	Số CBSP	Ngày tự công bố
Thực phẩm bổ sung sản phẩm dinh dưỡng Leanpro Thyro	T29/NUTRICARE/2026	18/05/2026

Căn cứ Khoản 4, Điều 5 của Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm, Công ty xin được thông báo **bổ sung quy cách** sản phẩm nêu trên:

- Quy cách bổ sung: 40 g (Chất liệu bao bì: Màng nhựa PE phức hợp).

(Đính kèm nhãn và tài liệu bổ sung)

Các nội dung thông tin trên nhãn (Tên sản phẩm, xuất xứ, thành phần cấu tạo) không thay đổi so với nhãn đã công bố.

Công ty cam kết bảo đảm chất lượng sản phẩm trên như đã công bố.

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare xin thông báo đến Chi cục An toàn Thực phẩm Bắc Ninh được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Công Quý



Lean pro



DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SAU PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP



H&M

Khối lượng tịnh

40 g

**LOW
LACTOSE**

THỰC PHẨM BỔ SUNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANPRO THYRO

Leanpro Thyro - dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe cho người sau phẫu thuật tuyến giáp, công thức bổ sung Isomaltulose có GI thấp hỗ trợ kiểm soát đường huyết.



- Chứa ít Lactose (hàm lượng Lactose < 1 g/100 g sản phẩm), không gây khó chịu, tiêu chảy ở người bất dung nạp Lactose

THÀNH PHẦN

Chất xơ hòa tan (Polydextrose, Isomaltulose (18%), Dextrin, Chất béo thực vật (Dầu cỏ Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu dừa, Dầu hạt nhân), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các khoáng chất (Fruitesan phosphat, Kali clorid, Natri clorid, Canxi cacbonat, Magie phosphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Natri selenit, Mangan sulfat, Crom clorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri L-ascorbate, D-alpha-tocopheryl acetate, Nicotinamid, Retinyl acetate, Cholecalciferol, Acid folic, Canxi-D-panthothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon), Bột nhân nhân, Dầu, Hôn hợp bột các Berry (quả Dâu tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt quất, quả Phúc bồn tử, Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương liệu bột, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cần thơ.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- 
- Cho từ từ 1 gói (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
 - Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

LƯƠNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 gói/ngày.
- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 - 3 gói/ngày.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người dị ứng với Sữa, Hạnh nhân, Cá, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPGD: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tư công bố sản phẩm: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: L0 VII.2 và N1

Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chi nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: LÔ VIL

Xuất xứ: Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 & Hệ thống Thương hiệu xuất xứ (GMP) phù hợp CXC 1-1969. Hệ thống quản lý

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp Q.C 1-1969, Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001
NSI và HSE Yem trên bao bì: S5 (BSP T29/NUTRICARE/2026

NSA và HSQ: Xem trên bao bì. Số CBSF: 1.25/NUTRICARE/2026

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH
AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Chi tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị Unit	Trong 100 g bột Per 100 g powder	Trong 1 l sữa pha cho bé Per serve (210 ml)
Năng lượng/ Energy	kcal	348	139
Chất đạm/ Protein	g	15,0	6,00
Chất béo/ Lipid	g	7,40	2,96
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	2595	1038
Carbohydrat/ Carbohydrate	g	49,0	19,6
Đường tổng số/ Total sugars	g	6,00	2,40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	16,6	6,64
Polys	g	5,80	2,32
Vitamin/ Vitamins			
Vitamin A	IU	1663	665
Vitamin D3	IU	397	159
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	36,8	14,7
Vitamin C	mg	100	40,0
Vitamin B1	µg	918	367
Vitamin B2	µg	1113	445
Niacin	µg	15190	6076
Axit panthoic/ Pantoic acid	µg	2996	1198
Vitamin B6	µg	15,20	6,08
Axit folic/ Folic acid	µg	246	98,4
Vitamin B12	µg	1,70	0,68
Khoáng chất/ Minerals			
Natri/ Sodium	mg	220	88,0
Kali/ Potassium	mg	550	220
Canxi/ Calcium	mg	840	336
Phốt pho/ Phosphorus	mg	560	224
Magie/ Magnesium	mg	42,9	17,2
Sắt/ Iron	mg	8,69	3,48
Kẽm/ Zinc	mg	5,80	2,32
Mangan/ Manganese	µg	477	191
Đồng/ Copper	µg	180	72,0
I-ốt/ Iodine	µg	137	54,9
Seleni/ Selenium	µg	11,6	4,64
Crom/ Chromium	µg	10,0	4,00

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.

CHĂM SÓC KHÁCH HÀNG
1800.60.11

(Miễn phí cuộc gọi đến)

www.nutricare.com.vn





Lean pro

THYRO

DINH DƯỠNG HỖ TRỢ SAU PHẪU THUẬT TUYẾN GIÁP



Khối lượng tinh
40 g



THỰC PHẨM BỔ SUNG

THỰC PHẨM BỔ SUNG SẢN PHẨM DINH DƯỠNG LEANPRO THYRO

Người sau phẫu thuật tuyến giáp cần một chế độ dinh dưỡng khoa học, đóng vai trò quan trọng giúp cho hoạt động khỏe mạnh của tuyến giáp. **Leanpro Thyro** - dinh dưỡng hỗ trợ sức khỏe cho người sau phẫu thuật tuyến giáp, cung cấp bổ sung Isomaltulose có GI thấp, hỗ trợ kiểm soát đường huyết.



- Chứa ít Lactose (hàm lượng Lactose < 1 g/100 g sản phẩm), không gây khó chịu, tiêu chảy ở người bất dung nạp Lactose.

THÀNH PHẦN

Chất xơ hòa tan (Polydextrose), Isomaltulose (18%), Đạm sữa, Chất béo thực vật (Dầu cò, Dầu hạt cải, Dầu hướng dương, Dầu ngô, Dầu đậu nành), Maltodextrin, Erythritol (7%), Sucrose, Các Khoáng chất (Tricaxi photphat, Kali dlorid, Natri dlorid, Canxi carbonat, Magiê photphat, Sắt pyrophosphat, Kali iodid, Kẽm sulfat, Mangan sulfat, Crom dlorid, Đồng sulfat) và Các Vitamin (Natri-L-ascorbat, DL-alpha-tocopheryl acetat, Nicotinamid, Retinyl acetat, Cholecalciferol, Acid folic, Canxi-D-pantothenat, Cyanocobalamin, Pyridoxin hydroclorid, Thiamin mononitrat, Riboflavin, Phylloquinon). Bột hạnh nhân, DHA, Hỗn hợp bột quả Berry (quả Dâu Tây, quả Việt Quất, quả Nam Việt Quất, quả Phúc bồn tử), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm (hương việt quất, hương sữa vani), Lactium (50 mg/100 g), Nano Curcumin (50 mg/100 g), Hương liệu tự nhiên chiết xuất từ lá cỏ ngọt.

BẢO QUẢN

Bảo quản nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp. Sản phẩm khi đã mở phải được sử dụng hết.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Cho từ từ 1 gói (tương đương 40 g bột) vào 180 ml nước đun sôi để nguội khoảng 50 °C. Khuấy đều cho đến khi bột tan hết.
- Hỗn hợp sau khi pha phải sử dụng hết trong vòng 3 giờ.

LƯỢNG DÙNG KHUYẾN NGHỊ

- Trẻ em từ 10 – 13 tuổi: dùng 2 gói/ngày.
- Người lớn và trẻ em trên 13 tuổi trở lên: dùng 2 - 3 gói/ngày.

Lưu ý: Sản phẩm có thể chứa các hạt vi chất dinh dưỡng có màu khác với màu bột sữa. Không dành cho người dị ứng với Sữa, Hạnh nhân, Cà, Đậu nành. Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NUTRICARE

VPQĐ: Số 8, Khu A-TT2 Him Lam, Phường Hồ Bình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tự công bố sản phẩm: Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2 và Nhà máy 2: Lô V.11, Lô V.12, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả,

Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Sản xuất tại: Chỉ nhánh Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nutricare

Nhà máy 1: Lô VII.2, Khu công nghiệp Thuận Thành 3, Phường Trí Quả, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Nhà máy Nutricare đáp ứng Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000 &

Hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP) phù hợp CXC 1-1969; Hệ thống quản lý Môi trường ISO 14001.

NSX và HSD: Xem trên bao bì. Số CBSP: T29/NUTRICARE/2026

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH AVERAGE NUTRITIONAL VALUES⁽¹⁾

Chỉ tiêu dinh dưỡng Nutrients	Đơn vị	Trong 100 g bột Per 100 g powder	Trong 1 ly pha chuẩn Per serving (210 ml)
Hàng lượng/Energy	kcal	348	139
Chất đạm/Protein	g	15,0	6,00
Chất béo lipid	g	7,40	2,96
Tổng axit béo không no (Omega 3, 6, 9) Total unsaturated fatty acids	mg	2595	1038
Carbohydrat/Carbohydrate	g	49,0	19,6
Đường tổng số/Total sugars	g	6,00	2,40
Chất xơ hòa tan (Polydextrose) Soluble fiber (Polydextrose)	g	16,6	6,64
Polys	g	5,80	2,32
Vitamin/Vitamins			
Vitamin A	IU	1663	665
Vitamin D3	IU	397	159
Vitamin E	IU	13,8	5,52
Vitamin K1	µg	36,8	14,7
Vitamin C	mg	100	40,0
Vitamin B1	µg	918	367
Vitamin B2	µg	1113	445
Niacin	µg	15190	6076
Axit pantothenic/Pantothenic acid	µg	2996	1198
Vitamin B6	µg	1520	608
Axit folic/Folic acid	µg	246	98,4
Vitamin B12	µg	1,70	0,68
Khoáng chất/Minerals			
Natri/Sodium	mg	220	88,0
Kali/Potassium	mg	550	220
Canxi/Calcium	mg	840	336
Phot pho/Phosphorus	mg	560	224
Magiê/Magnesium	mg	42,9	17,2
Sắt/Iron	mg	8,69	3,48
Kẽm/Zinc	mg	5,80	2,32
Mangan/Manganese	µg	477	191
Đồng/Copper	µg	180	72,0
I-ốt/Iodine	µg	137	54,9
Selen/Selenium	µg	11,6	4,64
Crom/Chromium	µg	10,0	4,00

(1) Hàm lượng các chất dinh dưỡng không thấp hơn 80% giá trị ghi trên nhãn.



CHAM SỐC KHÁCH HÀNG
1800.60.11
(Miễn phí cước gọi đến)
www.nutricare.com.vn

